

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19-02-2025

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 268/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Sơn Ngọc C, sinh ngày 01/01/1989 (có mặt).

Địa chỉ: ấp C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Trần Phùng Hoàng Q, sinh ngày 21/9/1971 (có mặt).

ĐKTT: ấp M, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở: ấp C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2024, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Sơn Ngọc C trình bày: Bà và ông Trần Phùng Hoàng Q tổ chức lễ cưới, tiến hành đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được UBND thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/3/2014. Trong thời gian đầu cuộc sống hôn nhân rất hạnh phúc, vợ chồng sinh được 02 con chung tên

Trần Ngọc T, sinh ngày 17/01/2015 và Trần Hoàng Q1, sinh ngày 14/5/2017. Theo thời gian giữa vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, cãi vã do tính cách khác biệt, đồng thời ông Q là người tính toán, chỉ chăm lo cho gia đình nhà chồng và không quan tâm với gia đình vợ. Bà đã nhiều lần đặt vấn đề ly hôn với ông Q nhưng ông Q không đồng ý, nay bà thấy không thể hàn gắn do những khác biệt ngày càng lớn nên nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết.

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Q.

- Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi cả 02 người con chung và yêu cầu ông Q cấp dưỡng cho con 7.500.000 đồng/tháng/người con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết bà không yêu cầu xem xét, giải quyết. Đến nay bà đề nghị Tòa án làm rõ phần tài sản chung vợ chồng là tiền tiết kiệm hiện do ông Q đang quản lý, bà không rõ số tiền bao nhiêu và xem xét giải quyết chia tài sản chung này.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Phùng Hoàng Q trình bày: Ông và bà Sơn Ngọc C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn H cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng sống với nhau có 02 người con chung tên Trần Ngọc T, sinh ngày 17/01/2015 và cháu Trần Hoàng Q1, sinh ngày 14/5/2017. Đối với yêu cầu của bà C về ly hôn thì ông không có ý kiến. Về các con chung thì ông tôn trọng nguyện vọng của các con và cấp dưỡng cho con theo quy định, không đồng ý số tiền cấp dưỡng mà bà C yêu cầu. Đối với tài sản chung có nhà ở hiện nay của vợ chồng tại ấp C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng thì ông không yêu cầu giải quyết, về khoản tiền tiết kiệm theo trình bày của bà C là không có.

Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung thì thấy: Bà C kiên quyết ly hôn, còn ông Q không có ý kiến về việc ly hôn và qua hòa giải hai bên không đồng ý hàn gắn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà C được ly hôn với ông Q. Đối với việc cấp dưỡng cho con, theo yêu cầu của bà C là cao so với thu nhập của ông Q, đề nghị xem xét lại mức cấp dưỡng cho mỗi người con là 2.500.000 đồng/tháng. Đối với bổ sung yêu cầu chia tài sản chung của bà C tại phiên tòa là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, đồng thời bà C cũng không xác định được tài sản yêu cầu là loại tài sản gì nên đề nghị không xem xét. Về án phí đề nghị xem xét nghĩa vụ chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Các vấn đề khác không có yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, các đương sự có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Xét về bổ sung yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn bà C, thì thấy: Quá trình giải quyết đến tại phiên họp tiếp cận, giao nộp, công khai chứng và hòa giải, bà C xác định không yêu cầu chia tài sản chung. Tại phiên tòa, bà C bổ sung yêu cầu về chia tài sản chung là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận bổ sung yêu cầu này. Đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà C có thể khởi kiện vụ án độc lập về chia tài sản chung sau khi ly hôn.

[3] Về hôn nhân: Bà C và ông Q tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà C có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Ông Q có ý kiến tùy Tòa án xem xét, mặc dù ông Q không xác nhận đồng ý ly hôn hoặc không đồng ý ly hôn nhưng qua hòa giải bà C và ông Q không hàn gắn được, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong vấn đề kinh tế, thu nhập và thiếu niềm tin với nhau. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng thực tế giữa vợ chồng bà C, ông Q thiếu sự thông cảm, tin tưởng, quan tâm và giúp đỡ nhau. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C được ly hôn với ông Q.

[4] Về con chung: Bà C và ông Q có 02 người con chung Trần Ngọc T, sinh ngày 17/01/2015 và cháu Trần Hoàng Q1, sinh ngày 14/5/2017. Xét thấy các con chung có nguyện vọng sống với mẹ, ông Q tôn trọng nguyện vọng của các con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện giao 02 người con chung cho bà C nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng cho con: Bà C yêu cầu ông Q cấp dưỡng cho mỗi người con là 7.500.000 đồng/tháng, ông Q không đồng ý và có ý kiến chấp nhận cấp dưỡng theo quyết định của Tòa trên cơ sở quy định pháp luật. Xét thấy, số tiền bà C yêu cầu là cao so với thu nhập của ông Q và thực tế chi phí sinh hoạt của cháu T, cháu Q1. Theo lời khai của bà C về chi phí sinh hoạt của gia đình, thu nhập của ông Q và chi phí ông Q giao cho bà C hàng tháng, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng mức là 2.500.000 đồng/tháng/người.

[5] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Nguyên đơn bà Sơn Ngọc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và bị đơn ông Trần Phùng Hoàng Q có nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch theo quy định điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện T là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Sơn Ngọc C được ly hôn với ông Trần Phùng Hoàng Q

2. Về con chung: Giao 02 người con chung Trần Ngọc T, sinh ngày 17/01/2015 và cháu Trần Hoàng Q1, sinh ngày 14/5/2017 cho bà Sơn Ngọc C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc ông Trần Phùng Hoàng Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 người con chung với bà Sơn Ngọc C mỗi người là 2.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 19/02/2025 đến khi cháu T và cháu Q1 đủ 18 tuổi. Ông Trần Phùng Hoàng Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án

3. Tài sản chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Bà Sơn Ngọc C phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và ông Trần Phùng Hoàng Q phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008033 ngày 22/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, bà Sơn Ngọc C đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Riêng phần nội dung về cấp dưỡng được thi hành ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND thị trấn H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai